

Số: 918 /TT-VP

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2012

V/v hướng dẫn báo cáo kê khai tài sản, thu nhập năm 2012

Kính gửi:

- Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, các ban Đảng và các đơn vị thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối Dân chính Đảng; Đảng ủy khối Doanh nghiệp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh.

Ngày 23/10/2012, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 8260/UBND-NC về việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập năm 2012; theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo Thanh tra tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, đơn vị báo cáo kết quả kê khai, công khai bản kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận.

Căn cứ Nghị định 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22/01/2010 của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh hướng dẫn báo cáo kết quả kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2012, như sau:

1. Về phạm vi, trách nhiệm thực hiện báo cáo kết quả kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận:

Theo quy định, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp kết quả việc kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình để báo cáo kết quả về cơ quan thanh tra cùng cấp. Cụ thể:

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

- Người đứng đầu các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy khối Dân chính Đảng, Đảng ủy khối doanh nghiệp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Văn phòng Ban chỉ đạo tỉnh về phòng, chống tham nhũng; Giám đốc các sở, ban ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước do tỉnh quản lý, có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị mình gửi về Thanh tra tỉnh.

- Ngoài ra, đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Sở Nội vụ ngoài việc báo cáo kết quả kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận của đơn vị, còn phối hợp với Thanh tra tỉnh trong việc báo cáo các nội dung sau:

+ Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp kết quả kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra tỉnh.

+ Sở Nội vụ tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận đối với người kê khai đang công tác tại các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước (nếu có) báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh.

+ Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai bản kết luận đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra tỉnh.

Lưu ý: Về báo cáo kết quả xác minh, kết luận, công khai bản kết luận chỉ thực hiện trong trường hợp có phát sinh xác minh tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ.

b) Đối với UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: Chỉ đạo Thanh tra cùng cấp hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý, gồm:

- Kết quả thực hiện của các phòng, ban, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các ban của Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức chính trị - xã hội, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; theo định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra huyện.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy báo cáo kết quả kê khai và đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy quản lý; phối hợp với Phòng Nội vụ tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận đối với người kê khai đang công tác tại tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra huyện ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận về sự minh bạch trong việc kê khai tài sản, công khai bản kết luận đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy quản lý.

2. Nội dung báo cáo và thời gian gửi báo cáo:

- Nội dung báo cáo : Thực hiện theo Đề cương hướng dẫn gửi kèm.

- Thời gian gửi báo cáo: Các địa phương, đơn vị gửi báo cáo đến Thanh tra tỉnh chậm nhất vào ngày 05/02/2013 để Thanh tra tỉnh tổng hợp, dự thảo báo cáo của UBND tỉnh gửi về Trung ương theo quy định.

Thanh tra tỉnh kính đề nghị lãnh đạo các địa phương, đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BLĐ Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT; VP (PCTN).

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Quốc Cường

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2012

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị.

- Việc triển khai quán triệt Nghị định 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 về minh bạch tài sản, thu nhập;

- Việc chỉ đạo thực hiện Văn bản số 8260/UBND-NC ngày 23/10/2012 của UBND tỉnh về việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập năm 2012;

- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2012.

2. Kết quả kê khai, xác minh, công khai về tài sản, thu nhập.

a) Nội dung báo cáo chung của các địa phương, đơn vị:

- Số đơn vị thuộc phạm vi quản lý phải thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập; số đơn vị đã thực hiện xong việc kê khai tài sản, thu nhập; số đơn vị chưa thực hiện xong, nêu rõ tên đơn vị, nguyên nhân?

- Tổng số người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định trong phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị. Trong đó:

+ Số người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định (kê khai lần đầu tiên theo định kỳ hằng năm mà chưa kê khai lần nào theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng);

+ Số người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (kê khai hàng năm từ lần thứ hai trở đi);

- Tổng số người thuộc diện phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập:

+ Số người thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định.

+ Số người thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (có thu nhập và tài sản biến động theo quy định phải kê khai);

- Tổng số người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập đã thực hiện kê khai.

+ Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; số người chưa kê khai, nêu rõ nguyên nhân?

+ Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung; số người chưa kê khai, nêu rõ nguyên nhân?

- Việc thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:

+ Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập được công khai;

+ Hình thức công khai đã áp dụng;

+ Thời gian tổ chức công khai.

- Việc xử lý vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 68/2011/NĐ-CP.

- Công tác giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các thành viên theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 68/2011/NĐ-CP (Nội dung này, dành cho Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức thành viên).

b) Nội dung phối hợp thực hiện báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Sở Nội vụ:

Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Số người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (số người kê khai lần đầu, số người kê khai bổ sung);

- Số người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (số người kê khai lần đầu, số người phải kê khai bổ sung do có tài sản, thu nhập biến động theo quy định);

- Số người đã thực hiện kê khai và gửi bản kê khai về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để lưu giữ (phân tích rõ số người kê khai lần đầu, số người kê khai bổ sung); số chưa gửi bản kê khai, nguyên nhân?

Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy: Số người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải xác minh tài sản, thu nhập trong năm; lý do xác minh từng trường hợp ; kết quả xác minh tài sản, thu nhập; công khai kết luận về sự minh bạch của từng trường hợp (nếu có).

Sở Nội vụ: Tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận đối với người kê khai đang công tác tại cơ quan của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước.

3. Đánh giá chung

- Nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm trong chỉ đạo, triển khai thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập; nguyên nhân.

- Những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập.

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

BIỂU THÔNG KÊ BÁO CÁO
Kết quả kê khai, xác minh tài sản, thu nhập năm ...

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm nhưng chưa kê khai	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung trong năm nhưng chưa kê khai	Số người đã có kết luận xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập không thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Sở, ban ngành:									
2	Đơn vị sự nghiệp:									
3	Doanh nghiệp NN do tỉnh quản lý:									
4	Khối huyện:									
5	Các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp:									
6	Các Ban Đảng và đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ:									
7	Các Đảng uỷ khối:									
8	Ủy ban Mật trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh									
	Tổng số									

Lưu ý: Cột 5 chỉ ghi những người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung theo khoản 2, Điều 1 Nghị định số 68/2011/NĐ-CP; còn số người là đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (kể cả có biến động phải kê khai và không có biến động) để nghị ghi trong phần ghi chú (cột 11).